

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Xuân Lũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011)
Ông Vũ Quang Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011)
Ông Dương Minh Đức	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011)
Ông Mai Vũ Thảo	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011)
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đám	Ủy viên
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Tuấn Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MÃ SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.288.711.112.947	1.297.319.863.843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	229.211.580.306	301.382.733.411
1. Tiền	111		66.593.580.306	173.733.983.411
2. Các khoản tương đương tiền	112		162.618.000.000	127.648.750.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		899.774.128.031	869.368.836.589
1. Phải thu khách hàng	131		7.808.960.382	6.265.206.894
2. Trả trước cho người bán	132		7.232.069.026	30.041.979.062
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		761.658.474.447	809.197.546.757
4. Các khoản phải thu khác	135	6	128.666.424.176	29.455.903.876
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.591.800.000)	(5.591.800.000)
III. Hàng tồn kho	140		100.059.577.920	73.371.691.101
1. Hàng tồn kho	141	7	100.059.577.920	73.371.691.101
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.665.826.690	53.196.602.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.000.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.564.448.141	52.136.024.168
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		71.200.711	581.811.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		985.177.838	478.767.311
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		993.520.909.734	950.057.676.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.930.229.527	18.930.229.527
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213		18.930.229.527	18.930.229.527
II. Tài sản cố định	220		141.558.234.573	118.685.434.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	26.768.824.244	13.164.423.011
- Nguyên giá	222		51.851.484.164	37.005.175.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.082.659.920)	(23.840.752.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	102.244.135.709	98.568.133.545
- Nguyên giá	228		102.536.940.269	98.808.373.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(292.804.560)	(240.239.724)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.545.274.620	6.952.877.838
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		497.515.169.954	468.795.043.285
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	402.944.746.056	376.179.582.059
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	16.500.000.000	16.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	112.000.000.000	112.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(33.929.576.102)	(35.884.538.774)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		335.517.275.680	343.646.969.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	334.247.275.680	339.785.096.073
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	2.591.873.071
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.270.000.000	1.270.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>2.282.232.022.681</u>	<u>2.247.377.540.193</u>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.170.018.687.739	1.162.822.005.880
I. Nợ ngắn hạn	310		1.144.400.894.263	1.140.261.717.112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	704.417.123.486	498.653.689.992
2. Phải trả người bán	312		317.840.430.379	525.239.780.557
3. Người mua trả tiền trước	313		8.972.752.287	35.688.038.548
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.748.724.873	1.252.237.921
5. Phải trả người lao động	315		10.610.746.145	18.719.547.463
6. Chi phí phải trả	316		5.630.266.762	1.690.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		76.402.589.554	36.007.097.360
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.778.260.777	23.011.325.271
II. Nợ dài hạn	330		25.617.793.476	22.560.288.768
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	25.482.485.527	22.430.229.527
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		135.307.949	130.059.241
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.112.213.334.942	1.084.555.534.313
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.112.213.334.942	1.084.555.534.313
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.358.940.301	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		21.375.272.138	21.375.272.138
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.812.000.000)	(2.812.000.000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.988.310	9.620.305.648
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		37.527.327.643	37.527.327.643
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		229.339.806.550	192.065.688.583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.282.232.022.681	2.247.377.540.193



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Đào Văn Đại

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		582.543.845.363	14.999.573.407
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		582.543.845.363	14.999.573.407
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		524.819.196.288	-
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		57.724.649.075	14.999.573.407
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	114.013.468.798	108.244.039.596
6. Chi phí tài chính	22	20	33.455.306.890	25.641.120.819
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.364.155.959	23.252.819.442
7. Chi phí bán hàng	24		16.267.987.635	554.119.123
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.258.346.078	11.730.022.705
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		97.756.477.270	85.318.350.356
10. Thu nhập khác	31		61.650.950.606	7.608.813
11. Chi phí khác	32		1.286.520	-
12. (Lỗ)/ lợi nhuận khác (40=31-32)	40		61.649.664.086	7.608.813
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		159.406.141.356	85.325.959.169
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	8.242.870.318	1.446.790.369
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.591.873.071	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		148.571.397.967	83.879.168.800



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Đào Văn Đại

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	159.406.141.356	85.325.959.169
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.294.472.109	993.355.09
Các khoản dự phòng	03	(1.954.962.672)	(2.076.337.734)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(9.629.618.660)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(62.626.461.605)	(73.214.653.766)
Chi phí lãi vay	06	35.364.155.959	23.252.819.442
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	131.483.345.147	24.651.523.546
(Tăng) các khoản phải thu	09	(284.266.306)	(47.210.324.341)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(26.687.886.819)	-
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(245.821.328.802)	24.459.175.023
(Tăng) chi phí trả trước	12	(931.403.555)	4.634.532
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.887.127.815)	(23.226.494.194)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.468.246.740)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.233.064.494)	(168.659.757)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(184.829.979.384)	(21.490.145.191)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.140.562.749)	(1.599.396.777)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	7.600.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(45.416.986.720)
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	6.480.502.577	1.133.862.773
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(14.660.060.172)	(45.874.920.724)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(350.000.000)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	869.064.418.653	1.058.556.144.727
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(670.332.036.072)	(814.650.136.799)
4. Tiền chi trả cổ tức	36	(71.416.655.600)	(66.244.200.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	127.315.726.981	177.311.807.928
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(72.174.312.575)	109.946.742.913
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	301.382.733.411	43.640.504.136
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	3.159.470	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	229.211.580.306	153.587.246.149

Dào Văn Đại
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 2.435 (31 tháng 12 năm 2010: 2.338).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MÔI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/6/2011
(%)

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng. Đây là số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con là công ty TNHH Một thành viên nếu có lãi sẽ thực hiện kết chuyển lợi nhuận trong kỳ về Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10 làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 tăng 3.988.310 VND (năm 2010 tăng 9.620.305.648 VND) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết nêu trên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	521.542.223	82.285.325
Tiền gửi ngân hàng	66.072.038.083	173.651.698.086
Các khoản tương đương tiền	162.618.000.000	127.648.750.000
	<u>229.211.580.306</u>	<u>301.382.733.411</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	46.930.186.000	-
Lợi nhuận công ty con chuyển về	52.178.961.671	-
Các dự án thực hiện cho Tập đoàn	27.465.262.010	25.227.041.122
Phải thu khác	2.092.014.495	4.228.862.754
	128.666.424.176	29.455.903.876

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	-	15.870.090.478
Hàng hóa	100.059.577.920	49.414.425.030
Hàng gửi đi bán	-	8.087.175.593
	100.059.577.920	73.371.691.101

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện, vận tải VND	Dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	27.392.945.211	2.059.064.373	5.412.187.896	2.140.978.178	37.005.175.658
Mua trong kỳ	-	-	1.104.936.364	139.784.727	1.244.721.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.601.587.415	-	-	-	13.601.587.415
Tại ngày 30/6/2011	40.994.532.626	2.059.064.373	6.517.124.260	2.280.762.905	51.851.484.164
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	18.372.347.949	1.846.051.186	2.826.521.167	795.832.345	23.840.752.647
Khấu hao trong kỳ	547.377.693	98.742.096	282.889.162	312.898.322	1.241.907.273
Tại ngày 30/6/2011	18.919.725.642	1.944.793.282	3.109.410.329	1.108.730.667	25.082.659.920
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	22.074.806.984	114.271.091	3.407.713.931	1.172.032.238	26.768.824.244
Tại ngày 31/12/2010	9.020.597.262	243.019.187	2.585.666.729	1.345.345.833	13.164.423.011

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 5.019.752.615 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.886.303.189 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	98.337.309.381	471.063.888	98.808.373.269
Tăng trong kỳ	3.688.567.000	40.000.000	3.728.567.000
Tại ngày 30/6/2011	102.025.876.381	511.063.888	102.536.940.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KÈ			
Tại ngày 01/01/2011	-	240.239.724	240.239.724
Khấu hao trong kỳ	-	52.564.836	52.564.836
Tại ngày 30/6/2011	-	292.804.560	292.804.560
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	102.025.876.381	218.259.328	102.244.135.709
Tại ngày 31/12/2010	98.337.309.381	230.824.164	98.568.133.545

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	6.952.877.838	5.628.230.951
Tăng trong kỳ/năm	24.049.573.278	30.166.951.644
Kết chuyển sang tài sản cố định	13.601.587.415	-
Giảm khác trong kỳ/năm	4.855.589.081	28.842.304.757
Số dư cuối kỳ/năm	12.545.274.620	6.952.877.838
Chi tiết theo công trình		
	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202.211.970	1.775.291.000
Cải tạo Khách sạn Holiday Mansion - 12, Trương Công Định - Vũng Tàu	31.579.510	3.673.394.059
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	11.947.809.143	1.504.192.779
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	363.673.997	-
	12.545.274.620	6.952.877.838

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là "Petrosetco Vũng Tàu") được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 ngày 25 tháng 10 năm 2010. Thời điểm sáp nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, Petrosetco Vũng Tàu chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500835690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 48 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Petrosetco Phân phối") được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Petrosetco Trading") được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (gọi tắt là "Petrosetco Sài Gòn") được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "PSMT") được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, PSMT chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300368426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số vốn điều lệ là 107 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 62% vốn điều lệ tương ứng với 66,34 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (gọi tắt là "POTS") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (gọi tắt là "PSA") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 18 tháng 01 năm 2011, PSA chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102471424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 68 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 54,4 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Petro Hà Nội") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong 2010, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam (gọi tắt là "PSP") thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (gọi tắt là "PSSSG") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (gọi tắt là "Smartcom") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310864017 ngày 19 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp 50% vốn điều lệ và gián tiếp 10% vốn điều lệ thông qua Petrosetco Phân phối.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
	30/6/2011	30/6/2011		
	VND	VND	%	%
Petrosetco Trading	39.500.000.000	39.500.000.000	100	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000	100	100
Petrosetco Vũng Tàu (i)	60.000.000.000	49.341.999.232	80	80
PSMT	107.000.000.000	66.340.000.000	62	62
Petrosetco Phân phối	92.000.000.000	92.000.000.000	100	100
POTS (i)	30.000.000.000	31.681.662.678	100	100
PSA (i)	68.000.000.000	60.583.637.417	80	80
Petro Hà Nội (i)	18.410.685.729	30.362.282.732	100	100
PSP	25.000.000.000	12.750.000.000	51	51
PSSSG (ii)	450.000.000.000	9.985.163.997	51	51
Smartcom (iii)	10.000.000.000	-	50	50
	910.310.685.729	402.944.746.056		

(i) Phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh các đơn vị vào Tổng Công ty.

(ii) Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 51%.

(iii) Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Smartcom là 60% (nắm giữ trực tiếp 50% và gián tiếp 10% thông qua Petrosetco Phân phối).

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	16.500.000.000
	16.500.000.000	16.500.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	30/6/2011
	VND
Tổng tài sản	118.181.085.144
Tổng nợ phải trả	58.867.613.498
Tài sản thuần	59.313.471.646
Phần tài sản thuần trong Công ty liên kết	17.794.041.494
	Từ ngày
	01/01/2011 đến
	ngày 30/6/2011
	VND
Doanh thu	73.782.382.327
Lợi nhuận thuần	1.669.966.101
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	500.989.830

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Trong năm 2010, Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào PCB sẽ được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn khác. Số dư khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 112.000.000.000 VND.

14. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	31.824.682.507	32.911.383.009
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	2.104.893.595	2.973.155.765
	<u>33.929.576.102</u>	<u>35.884.538.774</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	333.466.911.211	339.785.096.073
Chi phí trả trước khác	780.364.469	
	<u>334.247.275.680</u>	<u>339.785.096.073</u>

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	277.140.531.020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	213.931.600.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	700.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.417.123.486	7.581.558.972
	<u>704.417.123.486</u>	<u>498.653.689.992</u>

(i) Vay ngắn hạn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam (PVFC) bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức là 700 tỷ VND. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay/năm được xác định theo lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng (+) 0,5%/năm hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	18.930.229.527	18.930.229.527
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	6.552.256.000	3.500.000.000
	<u>25.482.485.527</u>	<u>22.430.229.527</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 58 tỷ VND với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả nửa năm một lần sau thời gian ân hạn.

Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.417.123.486	7.581.558.972
Trong năm thứ hai	8.744.502.972	11.081.558.972
Từ năm thứ ba trở đi	16.737.982.555	11.348.670.555
	<u>29.899.609.013</u>	<u>30.011.788.499</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.417.123.486	7.581.558.972
Số phải trả sau 12 tháng	<u>25.482.485.527</u>	<u>22.430.229.527</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tỷ lệ trích các quỹ năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế của toàn Tổng Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7% lợi nhuận sau thuế

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty chưa thực hiện trích các quỹ theo nghị quyết nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê chuẩn việc chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2010 với số tiền là 111.297.280.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/6/2011		31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các Cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	554.720.000.000	52.120.798.051	12.669.047.040	(2.335.000.000)	(2.862.486.419)	20.114.877.446	117.426.051.554	751.853.287.672
Tăng trong năm	143.700.000.000	76.238.142.250	8.706.225.098	-	12.482.792.067	17.412.450.197	140.883.837.029	399.423.446.641
Phát hành thêm cổ phiếu	143.700.000.000	76.238.142.250	-	-	-	-	-	219.938.142.250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	185.877.583.448	185.877.583.448
Phân phối quỹ	-	-	8.706.225.098	-	-	17.412.450.197	(44.993.746.419)	(18.875.071.124)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá của năm trước	-	-	-	-	2.862.486.419	-	-	2.862.486.419
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm	-	-	-	-	9.620.305.648	-	-	9.620.305.648
Giảm trong năm	-	-	-	477.000.000	-	-	66.244.200.000	66.721.200.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	477.000.000	-	-	-	477.000.000
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	66.244.200.000	66.244.200.000
Số dư tại ngày 31/12/2010	698.420.000.000	128.358.940.301	21.375.272.138	(2.812.000.000)	9.620.305.648	37.527.327.643	192.065.688.583	1.084.555.534.313
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	3.988.310	-	148.571.397.967	148.575.386.277
Phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	148.571.397.967	148.571.397.967
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ	-	-	-	-	3.988.310	-	-	3.988.310
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	111.297.280.000	111.297.280.000
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá của năm trước	-	-	-	-	9.620.305.648	-	-	9.620.305.648
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	-	-	111.297.280.000	111.297.280.000
Số dư tại ngày 30/6/2011	698.420.000.000	128.358.940.301	21.375.272.138	(2.812.000.000)	3.988.310	37.527.327.643	229.339.806.550	1.112.213.334.942

(i) Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHĐK ngày 29 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16%, tương ứng 111.297.280.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.402.720.348	35.892.749.738
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	322.894.165	270.498.865
Lợi nhuận chuyển từ Công ty con	54.256.994.350	72.080.790.993
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.030.859.935	-
	114.013.468.798	108.244.039.596

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35.364.155.959	23.252.819.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.113.603	2.388.301.377
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.954.962.672)	-
	33.455.306.890	25.641.120.819

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	159.406.141.356	85.325.959.169
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>772.420.151</i>	-
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	772.420.151	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>115.901.656.929</i>	<i>79.538.797.693</i>
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	54.256.994.350	72.080.790.993
- Lợi nhuận đánh giá lại tài sản tại Công ty con	61.644.662.579	-
- Chuyển lỗ từ các năm trước	-	7.458.006.700
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	44.276.904.578	5.787.161.476
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25% $\times$ 50%	12.102.633.613	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25%	26.920.164.462	5.787.161.476
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	8.242.870.318	1.446.790.369

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Năm 2011 là năm cuối cùng Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh chính theo giấy phép đăng ký kinh doanh

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 04 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 4.844,36 m² của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty còn phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 173.771.808.984 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Theo Hợp đồng số 30/2011/PVFC-PETROSETCO ngày 28 tháng 4 năm 2011 với Tổng công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty cam kết nhận chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí PetroTower từ Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với số tiền là 29.861.148.450 VND, tương ứng 24% vốn điều lệ của Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí Petro Tower. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, các bên chưa thực hiện xong các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu, Tổng Công ty mới thực hiện ứng trước 1.493.057.423 VND liên quan đến giao dịch chuyển nhượng này cho PVFC. Tài sản thuần của Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 2.876.182 USD (tương đương khoảng 59,3 tỷ VND). Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 20/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty sẽ bán một phần cổ phần nắm giữ cho cán bộ nhân viên của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA). Đến thời điểm hiện tại, việc bán cổ phần này vẫn đang trong giai đoạn thực hiện.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng